PHỤ LỤC I

BẢNG TỔNG HỢP THÔNG TIN PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

Dự án xây dựng công trình khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại khu vực La Giang, xã Quang Sơn và khu Sông Cầu, khu La Thông, xã Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2026 của UBND xã Quang Sơn)

TT	Họ và tên	Số tờ bản đồ	Số thửa đất	Diện tích đất thu hồi (m2)	Loại đất	Nguồn gốc đất thu hồi	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Lự	64	49	1753.9	CLN	Chưa cấp Giấy chứng nhận QSDĐ	
		64	138	897.0	CLN	Chưa cấp Giấy chứng nhận QSDĐ	
2	Lâm Thị Bình	68	20	1083.8	CLN	Chưa cấp Giấy chứng nhận QSDĐ	
3	Lâm Thị Bình (Thửa đất nhận giao khoán, sử dụng của Tổng Công ty chè Việt Nam)	65	30	293.8	CLN	Do Tổng công ty chè Việt Nam giao khoán cho bà Lâm Thị Bình để trồng CLN	
		68	2	1110.4	CLN		
4	Đào Thị Hướng (Thửa đất nhận giao khoán, sử dụng của Tổng Công ty chè Việt Nam)	64	50	1013.2	RSX	Do Tổng công ty chè Việt Nam giao khoán cho bà Đào Thị Hướng để trồng CLN	
	Tổng cộng			**6152.1**			

PHỤ LỤC II

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Dự án xây dựng công trình khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại khu vực La Giang, xã Quang Sơn và khu Sông Cầu, khu La Thông, xã Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Quyết định số: 25/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2026 của UBND xã Quang Sơn)

ĐVT: đồng

TT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Nơi thường trú	Nơi ở hiện nay	Vi trí thửa đất thu hồi	Bản đồ địa chính chỉnh lý				Bồi thường đất nông nghiệp		Ghi chú
					Số tờ	Số thửa	Diện tích thu hồi (m2)	Loại đất	Đơn giá	Thành tiền	
1	2	4	5	7	8	9	10	11	12	13=10*12	14
1	Nguyễn Thị Lự	xóm La Giang, xã Quang Sơn, tỉnh Thái Nguyên	xóm La Giang, xã Quang Sơn, tỉnh Thái Nguyên	xóm La Giang, xã Quang Sơn, tỉnh Thái Nguyên			**2650.9**			**159,054,000**	
					64	49	1753.9	CLN	60,000	105,234,000	
					64	138	897.0	CLN	60,000	53,820,000	
2	Lâm Thị Bình	xóm La Giang, xã Quang Sơn, tỉnh Thái Nguyên	xóm La Giang, xã Quang Sơn, tỉnh Thái Nguyên	xóm La Giang, xã Quang Sơn, tỉnh Thái Nguyên			**1083.8**			**65,028,000**	
					68	20	1083.8	CLN	60,000	65,028,000	
	Tổng cộng						**3734.7**			**224,082,000**	

PHỤC LỤC III

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG CÂY TRỒNG TRÊN ĐẤT

Dự án xây dựng công trình khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại khu vực La Giang, xã Quang Sơn và khu Sông Cầu, khu La Thông, xã Đồng Hỷ, tỉnh Thái

(Kèm theo Quyết định số: 251 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2026 của UBND xã Quang Sơn)

ĐVT: Đồng

TT	Mục	Danh mục tài sản, cây cối	Thông số, kích thước	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Hệ số	Thành tiền	Tổng cộng
1		**Nguyễn Thị Lự**							**177,282,088**
	I	***Cây trồng trên thửa đất số 49, tờ bản đồ số 64, diện tích 1753,9m2, loại đất CLN***							82,779,088
	-	Keo	Cây trồng năm thứ 5, Đk gốc 12cm, cao 7,5m	Cây					
		Bồi thường cây	Cây trồng năm thứ 5	Cây	557	50,780	1.0	28,284,460	
		Bồi thường khối gỗ	(0,06*0,06*3,14*7,5/2)*557	Khối	23.6112	2,000,000	1.0	47,222,460	
	-	Mít	Đk gốc 12-20cm	Cây	9	600,000	1.0	5,400,000	
	-	Sấu	Đk 26cm, cao 8m	Cây	1				
		Bồi thường khối gỗ	0,13*0,13*3,14*8/2	cây	0.2123	8,820,000	1.0	1,872,168	
	II	**Cây trồng trên thửa đất số 138, tờ bản đồ số 64, diện tích 897,0m2, loại đất CLN**							94,503,000
	-	Keo	Cây trồng năm thứ 5, Đk gốc 12cm, cao 7,5m	Cây					
		Bồi thường cây	Cây trồng năm thứ 5	Cây	675	50,780	1.0	34,276,500	
		Bồi thường khối gỗ	(0,06*0,06*3,14*7,5/2)*675	Khối	28.6133	2,000,000	1.0	57,226,500	
	-	Mít	Đk gốc 12-20cm	Cây	5	600,000	1.0	3,000,000	
2		**Lâm Thị Bình**							**27,471,980**
	I	***Cây trồng trên thửa đất số 20, tờ bản đồ số 68, diện tích 1083,8m2, loại đất CLN***							
	-	Keo	Cây trồng năm thứ 3	Cây	541	50,780	1.0	27,471,980	

3		**Lâm Thị Bình Lâm Thị Bình (Thửa đất nhận giao khoán, sử dụng của Tổng Công ty chè Việt Nam)**							**35,698,340**
	I	***Cây trồng trên thửa đất số 2, tờ bản đồ số 68, diện tích 1110,4m2, loại đất CLN (Bà Lâm Thị Bình nhận giao khoán, sử dụng của Tổng công ty chè Việt Nam)***							28,233,680
	-	Keo	Cây trồng năm thứ 3	Cây	556	50,780	1.0	28,233,680	
	II	***Cây trồng trên thửa đất số 30, tờ bản đồ số 65, diện tích 293,8m2, loại đất CLN (Bà Lâm Thị Bình nhận giao khoán, sử dụng của Tổng công ty chè Việt Nam)***							7,464,660
	-	Keo	Cây trồng năm thứ 3	Cây	147	50,780	1.0	7,464,660	
4		**Đào Thị Hướng (Thửa đất nhận giao khoán, sử dụng của Tổng Công ty chè Việt Nam)**							**72,587,682**
	I	***Cây trồng trên thửa đất số 50, tờ bản đồ số 64, diện tích 1013,2m2, loại đất RSX (Bà Đào Thị Hướng nhận giao khoán, sử dụng của Tổng Công ty chè Việt Nam)***							72,587,682
	-	Keo	Cây trồng năm thứ 6, Đk gốc 14cm, cao 9m	Cây	223				
		Bồi thường cây	Cây trồng năm thứ 6	Cây	223	50,780	1.0	11,323,940	
		Bồi thường khối gỗ	(0,07*0,07*3,14*9/2)*223	Khối	15.4399	2,000,000	1.0	30,879,702	
	-	Keo	Cây trồng năm thứ 6, Đk gốc 10cm, cao 8m	Cây	162				
		Bồi thường cây	Cây trồng năm thứ 6	Cây	162	50,780	1.0	8,226,360	
		Bồi thường khối gỗ	(0,05*0,05*3,14*8/2)*162	Khối	5.0868	2,000,000	1.0	10,173,600	
	-	Keo	Cây trồng năm thứ 3	Cây	236	50,780	1.0	11,984,080	
		Tổng cộng							**313,040,090**

PHỤ LỤC IV

PHƯƠNG ÁN HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG, HỖ TRỢ ĐÀO TẠO CHUYỂN ĐỔI NGHỀ VÀ TÌM KIẾM VIỆC LÀM, THƯỞNG BÀN GIAO MẶT BẰNG, HỖ TRỢ SẢN XUẤT

Dự án xây dựng công trình khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại khu vực La Giang, xã Quang Sơn và khu Sông Cầu, khu La Thông, xã Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2026 của UBND xã Quang Sơn)

ĐVT: đồng

TT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Bản đồ địa chính				Hỗ trợ ổn định đời sống					Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm		Thưởng bàn giao mặt bằng		Hỗ trợ sản xuất		Hỗ trợ sản xuất (Đối với trường hợp đất nhận giao khoán)			Tổng cộng	Ghi chú
		Số tờ	Số thửa	Diện tích thu hồi (m2)	Loại đất	Diện tích đất thu hồi(m2)	Tỷ lệ phần trăm thu hồi đất(%)	Số khẩu được hỗ trợ	Thời gian hỗ trợ (tháng)	Thành tiền	Đơn giá	Thành tiền	Đơn giá	Thành tiền	Đơn giá	Thành tiền	Số khẩu được hỗ trợ	Thời gian hỗ trợ (tháng)	Thành tiền		
1	2	3	4	5	6	7	9	10	11	12=10*11*30kg gạo*đơn giá 1kg gạo	13	14=5*13*3 lần	15	16=5*15	17	18=5*17	19	20	21=19*20*30kg*đơn giá 1kg gạo	22=12+14+16+18	23
1	**Nguyễn Thị Lự**			**2650.9**		**2,650.9**	***Từ 30%-<70%***	**3**	**6**	**10,130,400**		**477,162,000**		**13,254,500**		**26,509,000**				**527,055,900**	
		64	49	1753.9	CLN						60,000	315,702,000	5,000	8,769,500	10,000	17,539,000					
		64	138	897.0	CLN						60,000	161,460,000	5,000	4,485,000	10,000	8,970,000					
2	**Lâm Thị Bình**			**1083.8**		1,083.8	***Từ 30%-<70%***	8	6	**27,014,400**		**195,084,000**		**5,419,000**		**10,838,000**				**238,355,400**	
		68	20	1083.8	CLN						60,000	195,084,000	5,000	5,419,000	10,000	10,838,000					
3	**Lâm Thị Bình (Thửa đất nhận giao khoán, sử dụng của Tổng Công ty chè Việt Nam)**			**1404.2**				8	6			**252,756,000**					**8**	**6**	**27,014,400**	**279,770,400**	
		65	30	293.8	CLN						60,000	52,884,000									
		68	2	1110.4	CLN						60,000	199,872,000									
4	**Đào Thị Hướng (Thửa đất nhận giao khoán, sử dụng của Tổng Công ty chè Việt Nam)**			**1013.2**				3	6			**60,792,000**					**3**	**6**	**10,130,400**	**70,922,400**	
		64	50	1013.2	RSX						20,000	60,792,000									
	Tổng cộng			**6152.1**						**37,144,800**		**985,794,000**		**18,673,500**		**37,347,000**			**37,144,800**	**1,116,104,100**	

PHỤ LỤC V

BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

Dự án xây dựng công trình khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại khu vực La Giang, xã Quang Sơn và khu Sông Cầu, khu La Thông, xã Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Quyết định số: 251 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2026 của UBND xã Quang Sơn)

ĐVT: đồng

TT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ	Bồi thường đất nông nghiệp	Hỗ trợ ổn định đời sống	Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Bồi thường sản lượng, cây cối	Hỗ trợ sản xuất	Hỗ trợ sản xuất (Đối với trường hợp nhận giao khoán)	Thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ TĐC
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=5+6+7+8+9+10+11
1	Nguyễn Thị Lự	019167006931	Xóm La Giang, xã Quang Sơn, tỉnh Thái Nguyên	159,054,000	10,130,400	477,162,000	177,282,088	26,509,000		13,254,500	**863,391,988**
2	Lâm Thị Bình	019062005781	Xóm La Giang, xã Quang Sơn, tỉnh Thái Nguyên	65,028,000	27,014,400	195,084,000	27,471,980	10,838,000		5,419,000	**330,855,380**
3	Lâm Thị Bình (Thửa đất nhận giao khoán, sử dụng của Tổng Công ty chè Việt Nam)	019062005781	Xóm La Giang, xã Quang Sơn, tỉnh Thái Nguyên			252,756,000	35,698,340		27,014,400		**315,468,740**
4	Đào Thị Hướng (Thửa đất nhận giao khoán, sử dụng của Tổng Công ty chè Việt Nam)	001159036015	Xóm La Giang, xã Quang Sơn, tỉnh Thái Nguyên			60,792,000	72,587,682		10,130,400		**143,510,082**
	Tổng cộng			**224,082,000**	**37,144,800**	**985,794,000**	**313,040,090**	**37,347,000**	**37,144,800**	**18,673,500**	**1,653,226,190**